

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày 21/9/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hoà

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toà số: 32/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thuý T

Cùng địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H - Địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

2. Bị đơn: Bà Mai Thị P

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Địa chỉ nơi ở: Thôn C, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn, buôn bán lợn với nhau, bà P có hỏi vay tiền của vợ chồng ông bà Đ - T để làm ăn buôn bán. Ngày 14/3/2022 vợ chồng ông bà Đ - T có cho bà P vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay bà P viết giấy vay và ký nhận tiền, bà P hẹn ngày 10/4/2022 sẽ trả cho vợ chồng ông bà Đ - T số tiền trên, do mối quan hệ quen biết từ trước nên vợ chồng ông bà Đ - T không tính lãi suất cho vay.

Đến hạn trả nợ, bà P không trả cho vợ chồng ông bà Đ - T, kể từ ngày 10/4/2022 đến nay vợ chồng ông bà Đ - T đã nhiều lần liên hệ, gặp đòi bà P yêu cầu bà trả tiền nhưng bà P cứ hứa hẹn, khất lần sau đó không có trách nhiệm gì với số tiền đã vay. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông bà Đ - T. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết: Buộc bà Mai Thị P phải trả cho ông Nguyễn văn Đ và bà Trần Thị Thuý T số tiền nợ gốc vay là 150.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 11/4/2022 đến ngày 21/9/2022 với thời gian 5 tháng 10 ngày, mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng là $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 5 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 6.640.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 156.640.000 đồng.

Tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Bà Mai Thị P quen biết ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T qua mối quan hệ làm ăn mua bán lợn thịt với nhau. Quá trình quen biết vào thời gian tháng 6/2021 bà P có vay của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng với lãi xuất là 10.000.000 đồng/tháng, hàng tháng bà P vẫn trả lãi 10.000.000 đồng đầy đủ, cho đến tháng 3/2022 bà P cũng đã trả 10.000.000 đồng tiền lãi và hẹn tháng 4/2022 trả tiền gốc đồng thời ngày 14/3/2022 bà P có viết giấy hẹn ghi nợ 150.000.000 đồng (là nợ cũ chuyển sang) và hẹn đến ngày 1/4/2022 sẽ trả. Vì tháng 4/2022 bà P phải đi mổ U tuyến giáp tại Hà Nội nên không trả được.

Đến nay ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T khởi kiện yêu cầu bà P trả nợ gốc vay là 150.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh bà P có ý kiến về số tiền vay nợ ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T bà P đã trả được hơn một trăm triệu, việc bà P vay nợ và trả lãi suất cao là không đúng, đề nghị Toà án xem xét tính toán lại theo đúng quy định của pháp luật, còn thiếu bao nhiêu bà P sẽ trả nợ đầy đủ

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu tính lãi cho đến ngày 21/9/2022.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, điều 466, điều 468 điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T: Buộc bà Mai Thị P phải trả cho ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T tổng số tiền 156.640.000 đồng. Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn văn Đ và bà Trần Thị Thuý T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Mai Thị P vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản: Trong giấy vay tiền đề ngày 14/3/2022 thể hiện bà Mai Thị P có vay của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng, hạn trả ngày 10/4/2022, không ghi lãi suất, có chữ ký của bên vay Mai Thị P và bên cho vay Nguyễn văn Đ, Trần Thị Thuý T. Bà P cho rằng tháng 6/2021 bà P có vay của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất phải trả là 10.000.000 đồng/tháng, hàng tháng bà vẫn trả lãi 10.000.000 đồng đầy đủ, cho đến tháng 3/2022 bà P cũng đã trả 10.000.000 đồng tiền lãi, hạn tháng 4/2022 trả tiền gốc, đồng thời ngày 14/3/2022 bà P có viết giấy hạn ghi nợ 150.000.000 đồng (là nợ cũ chuyển sang) và hạn đến ngày 10/4/2022 sẽ trả. Tuy nhiên bà P không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh số tiền vay 150.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 14/3/2022 là từ nợ cũ chuyển sang. Vì vậy căn cứ vào giấy vay nợ ngày 14/3/2022 xác định bà Mai Thị P có vay của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng: Ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T cho rằng đến hạn trả nợ, bà P không trả cho vợ chồng ông bà Đ - T, kể từ ngày 10/4/2022 đến nay vợ chồng ông bà Đ - T đã nhiều lần liên hệ, gặp đòi bà P yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà cứ hứa hẹn, nhất là sau đó không có trách nhiệm gì với số tiền đã vay. Bà Mai Thị P cho rằng giấy vay nợ ngày 14/3/2022 là nợ cũ chuyển sang, hàng tháng đã trả 10.000.000 đồng tiền lãi tổng cộng đã trả cho ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T hơn một trăm triệu. Tuy nhiên bà Mai Thị P không đưa ra được chứng cứ chứng minh được số tiền vay 150.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 14/3/2022 là từ nợ cũ chuyển sang và cũng không đưa ra được giấy tờ chứng cứ chứng minh hàng tháng có trả cho ông bà Đ, T số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy việc bà P yêu cầu Tòa án xem xét tính toán lại theo đúng quy định của pháp luật không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị P phải thanh toán khoản tiền lãi từ ngày 11/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2022 với thời gian 5 tháng 10 ngày, mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng là 150.000.000 đồng x

0,83% x 5 tháng 10 ngày = 6.640.000 đồng. Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 466 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Từ những phân tích tại mục [2.1], mục [2.2] và mục [2.3] đủ cơ sở khẳng định bà Mai Thị P có vay ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng, đến hạn bà P chưa thanh toán trả cho ông Đ, bà T. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T buộc bà P phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T số tiền 150.000.000 đồng và số tiền lãi 6.640.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Mai Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, điều 466, điều 468, điều 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T: Buộc bà Mai Thị P phải trả cho ông Nguyễn văn Đ và bà Trần Thị Thuý T tổng số tiền 156.640.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi 6.640.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/3/2022

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Mai Thị P phải chịu 7.832.000 đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn văn Đ, bà Trần Thị Thuý T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001519 ngày 20/5/2022 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Lanh